



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 21 tháng 11 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Thòn
Ông Nguyễn Mỹ

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 30 tháng 10 năm 2018)

Ông Nguyễn Tiến Tùng
Ông Võ Văn Á
Bà Nguyễn Thị Âm
Ông Phạm Thanh Thọ
Ông Trần Quốc Thanh

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 1 tháng 4 năm 2018)

Bà Thủy Vũ Dropsey

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thòn
Ông Nguyễn Mỹ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 13 tháng 9 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Dũng
Bà Lê Thu Hiền

Trưởng Ban Kiểm soát
Phó Trưởng Ban Kiểm soát
(đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Bà Đinh Lê Nhật Hằng

Thành viên
(từ ngày 29 tháng 6 năm 2018)

Ông Phan Bá Ngọc Phương

Thành viên
(đến ngày 30 tháng 11 năm 2018)

Bà Võ Thị Thùy Tiên

Thành viên
(đến ngày 3 tháng 5 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

Số 23 Đường Hà Hoàng Hổ
Phường Mỹ Xuyên
Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán: 18-01-01159-19-1




Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.586.552.402.840	5.463.453.525.523
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	138.743.547.592	93.015.862.439
Tiền	111		104.743.547.592	73.015.862.439
Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	27.301.568.917
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13(a)	-	27.301.568.917
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.021.989.028.189	3.480.128.310.457
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.938.024.452.965	3.423.507.301.599
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.947.932.216	20.349.217.346
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	20.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	247.653.958.348	208.386.204.482
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(208.637.315.340)	(172.114.412.970)
Hàng tồn kho	140	9	2.326.221.314.832	1.837.252.164.004
Hàng tồn kho	141		2.327.971.332.950	1.837.375.369.489
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.750.018.118)	(123.205.485)
Tài sản ngắn hạn khác	150		99.598.512.227	25.755.619.706
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	2.516.773.333	3.917.690.751
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		97.058.080.588	21.134.395.355
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	23.658.306	703.533.600
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.168.782.424.883	1.228.645.371.541
Tài sản cố định	220		616.083.863.271	666.074.478.373
Tài sản cố định hữu hình	221	10	438.527.794.907	456.608.217.526
Nguyên giá	222		801.868.312.319	758.129.281.576
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.340.517.412)	(301.521.064.050)
Tài sản cố định vô hình	227	11	177.556.068.364	209.466.260.847
Nguyên giá	228		183.990.520.477	214.156.017.147
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.434.452.113)	(4.689.756.300)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.545.555.422	52.358.251.602
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	31.545.555.422	52.358.251.602

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13(b)	474.890.494.094	463.886.262.874
Đầu tư vào các công ty con	251		447.591.826.000	446.091.826.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		36.409.485.000	32.983.650.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.110.816.906)	(15.189.213.126)
Tài sản dài hạn khác	260		46.262.512.096	46.326.378.692
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	30.442.566.796	31.485.661.916
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	15.819.945.300	14.840.716.776
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.755.334.827.723	6.692.098.897.064
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.184.031.643.467	4.277.951.842.933
Nợ ngắn hạn	310		5.004.300.602.217	4.017.646.460.920
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.500.067.242.027	1.391.596.903.242
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.395.019.497	5.997.441.424
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	159.229.949.115	167.046.734.479
Phải trả người lao động	314		55.141.249.132	11.000.682.435
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	157.908.271.799	183.245.289.390
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	71.148.405.535	75.986.821.161
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	20(a)	2.999.835.220.303	2.145.641.642.711
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	46.575.244.809	37.130.946.078
Nợ dài hạn	330		179.731.041.250	260.305.382.013
Phải trả dài hạn khác	337		1.380.000.000	1.590.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	20(b)	150.000.000.000	220.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	28.351.041.250	38.715.382.013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.571.303.184.256	2.414.147.054.131
Vốn chủ sở hữu	410	23	2.571.303.184.256	2.414.147.054.131
Vốn cổ phần	411	24	805.933.400.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		756.944.515.492	756.944.515.492
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		80.032.557.377	174.238.330.361
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		650.319.711.387	533.279.708.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		533.279.708.278	439.554.702.115
- Chi trả cổ tức	421a		(268.644.200.000)	(201.483.450.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		19.256.000.000	(145.544.617.026)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		366.428.203.109	440.753.073.189
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.755.334.827.723	6.692.098.897.064

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Nguyễn Tân Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	8.207.749.551.288	8.508.363.049.075
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	356.825.646.045	287.642.220.779
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	7.850.923.905.243	8.220.720.828.296
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	6.106.244.394.625	6.421.565.573.151
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.744.679.510.618	1.799.155.255.145
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	22.180.192.651	17.387.348.398
Chi phí tài chính	22	30	187.272.327.628	128.340.887.122
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		174.560.375.843	118.754.766.763
Chi phí bán hàng	25	31	803.727.304.639	892.311.477.613
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	287.357.171.276	261.244.402.621
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		488.502.899.726	534.645.836.187
Thu nhập khác	31	33	23.431.458.016	18.681.141.642
Chi phí khác	32	34	12.786.983.370	1.059.277.979
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.644.474.646	17.621.863.663
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		499.147.374.372	552.267.699.850
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	133.698.399.787	109.781.645.969
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(979.228.524)	1.732.980.692
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		366.428.203.109	440.753.073.189

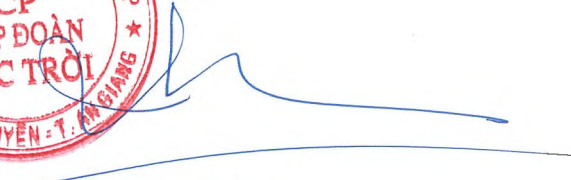
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		499.147.374.372	552.267.699.850
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.247.351.116	61.526.478.983
Các khoản dự phòng	03		23.798.185.666	14.686.363.829
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.517.813.387)	(797.035.559)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(3.049.680.684)	(364.710.444)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(4.981.877.957)	(6.463.840.135)
Chi phí lãi vay	06		174.560.375.843	118.754.766.763
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		756.203.914.969	739.609.723.287
Biến động các khoản phải thu	09		(633.457.243.394)	(263.316.559.909)
Biến động hàng tồn kho	10		(490.595.963.461)	(371.774.225.453)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		101.259.858.828	(34.059.612.504)
Biến động chi phí trả trước	12		8.151.463.668	9.141.864.548
			(258.437.969.390)	79.601.189.969
Tiền lãi vay đã trả	14		(172.469.655.222)	(111.062.883.203)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(118.325.149.059)	(56.370.870.306)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(67.596.681.899)	(89.090.923.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(616.829.455.570)	(176.923.487.135)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(40.100.712.888)	(75.872.564.256)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		38.645.236.364	16.892.143.184
Tiền chi cho vay	23		(20.000.000.000)	-
Tiền thu/(chi) cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, thuận	23		27.301.568.917	(2.301.568.917)
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	25		(4.925.835.000)	(35.983.650.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.538.029.763	3.184.674.217
Tiền thu cổ tức	27		1.210.563.000	1.524.999.480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.668.850.156	(92.555.966.292)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		7.367.495.815.682	5.847.534.768.384
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.583.767.238.090)	(5.456.920.886.629)
Tiền chi trả cổ tức	36		(126.294.992.000)	(289.188.903.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		657.433.585.592	101.424.978.255
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		46.272.980.178	(168.054.475.172)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		93.015.862.439	261.045.924.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(545.295.025)	24.412.911
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	138.743.547.592	93.015.862.439


Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm và bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 2.755 nhân viên (1/1/2018: 2.933 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 14 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 13 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 13(b).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất riêng lẻ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí tiền thuê đất trả trước

Chi phí tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 2 năm đến 14 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí bảo trì được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo hành

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu phát hành được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

(p) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	10.767.972.635	9.879.795.162
Tiền gửi ngân hàng	93.975.574.957	63.032.559.277
Tiền đang chuyển	-	103.508.000
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	20.000.000.000
	138.743.547.592	93.015.862.439

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản tiền gửi ngân hàng được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (1/1/2018: 8.451 triệu VND) (Thuyết minh 20(b)).

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	328.993.570.284	233.945.560.111
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	300.964.320.857	128.321.049.550
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	282.781.315.234	241.318.439.880
Các khách hàng khác	3.025.285.246.590	2.819.922.252.058
	3.938.024.452.965	3.423.507.301.599

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	328.993.570.284	233.945.560.111
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	300.964.320.857	128.321.049.550
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	282.781.315.234	241.318.439.880
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	243.214.413.646	211.056.137.751
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	226.849.276.192	247.659.193.555
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	111.580.861.605	54.121.993.803
Các công ty con khác	109.778.106.543	103.088.906.298
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	11.718.126.997	-

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không hưởng lãi và lần lượt có thể thu được khi có yêu cầu và trong thời hạn từ 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Lion Agrevo – một công ty liên kết	20.000.000.000	-

Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất năm là 6%.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chiết khấu mua hàng được hưởng	122.990.352.919	98.101.045.899
Tạm ứng cho người lao động	45.702.647.537	42.993.223.568
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	4.865.718.182	8.872.911.819
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.293.454.530	2.308.454.530
Phải thu cổ tức	1.987.451.632	1.210.563.000
Phải thu lãi tiền gửi	-	543.603.438
Phải thu khác	56.665.603.767	41.207.672.447
	247.653.958.348	208.386.204.482

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018				1/1/2018			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
▪ Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	9.587.763.755	(9.587.763.755)	-	Trên 3 năm	9.602.557.225	(6.590.690.058)	3.011.867.167
▪ Nguyễn Minh Hùng	Trên 3 năm	9.431.443.002	(9.431.443.002)	-	Trên 3 năm	11.231.443.002	(11.231.443.002)	-
▪ Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Trên 3 năm	7.149.945.350	(7.149.945.350)	-	Trên 3 năm	7.149.945.350	(7.149.945.350)	-
▪ Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)	150.000.000	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)	150.000.000
▪ Đinh Thị Phương	Trên 3 năm	9.318.582.005	(6.710.707.165)	2.607.874.840	Trên 3 năm	9.318.582.005	(6.733.082.005)	2.585.500.000
▪ Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.680.573.077	(6.680.573.077)	-	Trên 3 năm	6.700.573.077	(6.700.573.077)	-
▪ Nguyễn Quốc Hùng	Trong vòng 1 năm	5.540.497.360	(5.540.497.360)	-	-	-	-	-
▪ Nguyễn Văn Thao	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000
▪ Nguyễn Văn Trung	Trên 3 năm	4.565.176.319	(4.565.176.319)	-	Từ 2 đến 3 năm	4.565.176.319	(3.195.623.423)	1.369.552.896
▪ Công ty TNHH Tân Sáng	Trên 3 năm	7.143.944.255	(4.146.582.766)	2.997.361.489	Trên 3 năm	7.571.750.525	(2.831.539.650)	4.740.210.875
▪ Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	310.557.189.973	(142.500.829.494)	168.056.360.479	Trên 6 tháng	293.620.481.893	(115.357.719.353)	178.262.762.540
		382.868.912.148	(208.637.315.340)	174.231.596.808		362.654.306.448	(172.114.412.970)	190.539.893.478



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	172.114.412.970	138.951.016.344
Trích lập dự phòng trong năm	38.322.902.370	34.731.094.320
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.800.000.000)	(1.567.697.694)
	208.637.315.340	172.114.412.970

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	26.008.322.764	-	40.577.445.600	-
Nguyên vật liệu	454.852.196.651	-	323.095.053.204	-
Công cụ, dụng cụ	791.594.875	-	1.280.028.986	-
Sản phẩm dở dang	15.857.656.000	-	15.574.138.094	-
Thành phẩm	371.643.419.766	(1.750.018.118)	235.652.382.046	(123.205.485)
Hàng hóa	1.443.119.985.047	-	1.206.975.202.067	-
Hàng gửi đi bán	15.698.157.847	-	14.221.119.492	-
	2.327.971.332.950	(1.750.018.118)	1.837.375.369.489	(123.205.485)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 4.063 triệu VND (1/1/2018: 304 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số dư hàng tồn kho chi tiết theo ngành kinh doanh như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nguyên vật liệu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	401.950.316.308	280.258.840.948
▪ Lương thực – Gạo	10.474.984.636	13.790.170.204
▪ Hạt giống cây trồng	28.360.177.690	13.518.631.516
▪ Bao bì	14.066.718.017	15.527.410.536
	454.852.196.651	323.095.053.204
Thành phẩm		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	189.076.824.877	47.985.892.967
▪ Lương thực – Gạo	21.167.842.533	55.414.904.062
▪ Hạt giống cây trồng	153.687.381.926	127.273.178.120
▪ Bao bì	5.961.352.312	4.855.201.412
	369.893.401.648	235.529.176.561
Hàng hóa		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	1.434.318.953.816	1.197.704.075.398
▪ Lương thực – Gạo	44.204.910	-
▪ Hạt giống cây trồng	8.756.826.321	9.271.126.669
	1.443.119.985.047	1.206.975.202.067

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	123.205.485	1.075.682.864
Trích lập dự phòng trong năm	1.750.018.118	123.205.485
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(123.205.485)	(1.075.682.864)
	1.750.018.118	123.205.485

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	358.397.445.944	191.244.394.237	188.500.751.072	19.986.690.323	758.129.281.576
Tăng trong năm	378.783.636	12.463.616.557	4.665.044.727	2.663.598.182	20.171.043.102
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.649.914.916	8.499.162.273	150.729.011	5.226.049.062	30.525.855.262
Thanh lý	-	(218.694.800)	(5.783.880.659)	-	(6.002.575.459)
Xóa sổ	-	(955.292.162)	-	-	(955.292.162)
Số dư cuối năm	375.426.144.496	211.033.186.105	187.532.644.151	27.876.337.567	801.868.312.319
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	89.320.588.124	79.612.261.384	121.383.950.720	11.204.263.822	301.521.064.050
Khấu hao trong năm	23.674.557.472	19.767.820.122	20.729.163.480	2.306.070.889	66.477.611.963
Thanh lý	-	(218.694.800)	(3.582.842.015)	-	(3.801.536.815)
Xóa sổ	-	(856.621.786)	-	-	(856.621.786)
Số dư cuối năm	112.995.145.596	98.304.764.920	138.530.272.185	13.510.334.711	363.340.517.412
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	269.076.857.820	111.632.132.853	67.116.800.352	8.782.426.501	456.608.217.526
Số dư cuối năm	262.430.998.900	112.728.421.185	49.002.371.966	14.366.002.856	438.527.794.907

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 113.022 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 85.804 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	203.097.321.706	11.058.695.441	214.156.017.147
Tăng trong năm	614.652.830	-	614.652.830
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.540.740.500	2.540.740.500
Thanh lý	(33.320.890.000)	-	(33.320.890.000)
<hr/>			
Số dư cuối năm	170.391.084.536	13.599.435.941	183.990.520.477
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	713.542.715	3.976.213.585	4.689.756.300
Khấu hao trong năm	194.255.748	1.575.483.405	1.769.739.153
Thanh lý	(25.043.340)	-	(25.043.340)
<hr/>			
Số dư cuối năm	882.755.123	5.551.696.990	6.434.452.113
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	202.383.778.991	7.082.481.856	209.466.260.847
Số dư cuối năm	169.508.329.413	8.047.738.951	177.556.068.364

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.936 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 1.858 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 các tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND (1/1/2018: 24.810 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	52.358.251.602	91.237.557.345
Tăng trong năm	17.961.350.712	52.389.321.841
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(30.525.855.262)	(66.410.317.657)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.540.740.500)	(15.792.444.500)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.707.451.130)	(9.065.865.427)
	31.545.555.422	52.358.251.602

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Hệ thống máy ủ hạt giống	18.283.981.534	18.211.925.120
Nâng cấp các trại sản xuất hạt giống	9.286.249.696	4.149.040.698
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	646.294.486	646.294.486
Nhà máy thuốc Châu Thành	35.344.000	13.461.274.712
Các dự án khác	3.293.685.706	15.889.716.586
	31.545.555.422	52.358.251.602

13. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8% đến 8,5% trong năm (2017: từ 8,7% đến 9%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được thu hồi toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018			1/1/2018		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	100%	120.000.000.000	-	100%	120.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	(13.416.584.456)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	(1.772.628.670)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	100%	60.000.000.000	-	100%	60.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	76,51%	50.833.316.000	-	76,51%	50.833.316.000	-
▪ Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	100%	14.579.600.000	(2.874.169.496)	100%	14.579.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	50,44%	12.878.910.000	-	50,44%	12.878.910.000	-
▪ Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	60%	4.800.000.000	(3.236.647.410)	60%	4.800.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	100%	3.000.000.000	(3.000.000.000)	100%	3.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Lộc Trời - Viên Thị	51%	1.500.000.000	-	-	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (i)	100%	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (ii)	100%	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (iii)	60%	-	-	60%	-	-
		447.591.826.000	(9.110.816.906)		446.091.826.000	(15.189.213.126)
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Lion Agrevo	29,91%	32.983.650.000	-	29,91%	32.983.650.000	-
▪ Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời Quảng Đông	49%	3.425.835.000	-	-	-	-
		36.409.485.000	-		32.983.650.000	-
		484.001.311.000	(9.110.816.906)		479.075.476.000	(15.189.213.126)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (“Ân Thịnh Điền”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 6300233285 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 11 tháng 10 năm 2013, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Ân Thịnh Điền.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (“Vĩnh An”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101751607 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 6 năm 2014, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh An.
- (iii) Công ty TNHH Trích ly dầu cá Vĩnh Hòa (“Vĩnh Hòa”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101791896 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 18 tháng 5 năm 2015, trong đó Công ty nắm giữ 60% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh Hòa.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.189.213.126	22.741.895.376
Trích lập dự phòng trong năm	9.110.816.906	3.982.542.808
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(15.189.213.126)	11.535.225.058
Số dư cuối năm	9.110.816.906	15.189.213.126

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phí bảo hiểm trả trước	420.330.215	5.142.943
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.116.029.843	2.582.334.802
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	980.413.275	1.330.213.006
	2.516.773.333	3.917.690.751

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí tiền thuê đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí bảo trì VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.266.360.017	13.787.326.809	7.660.118.871	6.771.856.219	31.485.661.916
Tăng trong năm	686.000.000	7.932.400.111	4.721.148.374	1.508.109.480	14.847.657.965
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	394.098.498	4.973.985.060	339.367.572	5.707.451.130
Phân bổ trong năm	(3.226.390.959)	(9.859.095.370)	(5.759.566.336)	(2.753.151.550)	(21.598.204.215)
Số dư cuối năm	725.969.058	12.254.730.048	11.595.685.969	5.866.181.721	30.442.566.796

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:</i>			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20%	10.149.737.050	7.120.894.507
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	5.670.208.250	7.719.822.269
		15.819.945.300	14.840.716.776

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	1.185.224.222.968	1.109.023.140.120
Eastchem Co., Ltd	19.342.738.000	52.438.110.030
Các nhà cung cấp khác	295.500.281.059	230.135.653.092
	1.500.067.242.027	1.391.596.903.242

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	4.431.672.000	-
	4.431.672.000	-

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong thời hạn từ 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	127.565.378.839	160.864.639.300
Chi phí lãi vay	12.780.868.854	10.690.148.233
Chi phí hội nghị khách hàng	3.729.540.000	572.500.000
Hoa hồng môi giới	3.286.437.000	6.063.363.100
Phí nhượng quyền thương mại	2.501.883.512	2.988.616.200
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	8.044.163.594	2.066.022.557
	157.908.271.799	183.245.289.390

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải trả	33.575.829.500	25.548.521.500
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	7.475.678.977	12.044.499.087
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp	1.707.625.169	2.548.904.929
Phải trả ngắn hạn khác	28.389.271.889	35.844.895.645
	71.148.405.535	75.986.821.161

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Các khoản vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	2.072.064.142.711	7.367.495.815.682	(6.510.189.738.090)	465.000.000	2.929.835.220.303	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	73.577.500.000	-	(73.577.500.000)	-	-	
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng (b)	-	70.000.000.000	-	-	70.000.000.000	
	2.145.641.642.711	7.437.495.815.682	(6.583.767.238.090)	465.000.000	2.999.835.220.303	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	327.829.756.509	193.695.074.498
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	318.144.803.176	163.155.986.045
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	337.945.487.155	147.940.410.286
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	201.000.000.000	275.056.743.794
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(v)	VND	355.748.752.056	335.104.142.931
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	98.281.755.013	235.433.811.896
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(vii)	USD	603.590.000.000	227.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(viii)	VND	674.306.768.674	317.810.194.837
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ix)	VND	12.987.897.720	124.278.479.394
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(x)	VND	-	52.589.299.030
			<hr/>	<hr/>
			2.929.835.220.303	2.072.064.142.711

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,7% (1/1/2018: từ 3,9% đến 4,8%).
- (ii) Khoản vay này, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 4% đến 6% (1/1/2018: 4,6%).
- (iii) Khoản vay này, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 4,2% đến 5,7% (1/1/2018: từ 3,9% đến 4,0%).
- (iv) Khoản vay này, có hạn mức là 800 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,5% (1/1/2018: 5,3%).
- (v) Khoản vay này, có hạn mức là 400 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,3% đến 5,7% (1/1/2018: từ 5,3% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này, có hạn mức là 500 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,2% (1/1/2018: 4,8%).
- (vii) Khoản vay này, có hạn mức là 40 triệu USD, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 2,8% (1/1/2018: 2,5%).
- (viii) Khoản vay này, có hạn mức là 700 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 6,5% (1/1/2018: 5,1%).
- (ix) Khoản vay này, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,5% (1/1/2018: từ 5,1% đến 5,5%).
- (x) Khoản vay này, có hạn mức là 100 tỷ VND không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,5% (1/1/2018: 4,8%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	-	73.577.500.000
Trái phiếu thường (ii)	220.000.000.000	220.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	220.000.000.000	293.577.500.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(73.577.500.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	150.000.000.000	220.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited (*) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	USD	2018	4,5% - 4,8%	-	52.777.500.000
	VND	2018	8,2%	-	20.800.000.000
				-	73.577.500.000

(*) Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản tiền gửi ngân hàng của tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này (1/1/2018: 8.451 triệu VND) (Thuyết minh 4) và không có động sản thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành tương lai của các công ty con bên dưới được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này (1/1/2018: 384.953 triệu VND):

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

(**) Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản tiền gửi ngân hàng của tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (*) nêu trên được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này và không có bất động sản (1/1/2018: 372.603 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở khoản vay (*) được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Điều khoản và điều kiện của trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trái phiếu được phát hành cho:				
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	2020	140.000.000.000	140.000.000.000
▪ Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VND	2020	72.000.000.000	72.000.000.000
▪ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)	VND	2020	8.000.000.000	8.000.000.000
			<hr/>	<hr/>
			220.000.000.000	220.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng			(70.000.000.000)	-
			<hr/>	<hr/>
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			150.000.000.000	220.000.000.000

Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 24.810 triệu VND) (Thuyết minh 11). Các trái phiếu này chịu lãi suất năm là 8,2% cho năm đầu tiên và lãi suất biên huy động của ngân hàng cộng 2,5% cho các năm tiếp theo. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	37.130.946.078	47.183.889.613
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 23)	62.000.000.000	52.054.210.000
Sử dụng quỹ trong năm	(52.555.701.269)	(62.107.153.535)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	46.575.244.809	37.130.946.078

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hành xây lắp VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	116.270.671	38.599.111.342	38.715.382.013
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.091.207.646)	(2.091.207.646)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(116.270.671)	(8.156.862.446)	(8.273.133.117)
Số dư cuối năm	-	28.351.041.250	28.351.041.250

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	683.864.950.466	179.556.267.456	439.554.702.115	2.252.660.420.037
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	440.753.073.189	440.753.073.189
Trích lập các quỹ	-	-	73.079.565.026	20.410.842.000	(93.490.407.026)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(52.054.210.000)	(52.054.210.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(25.728.779.095)	-	(25.728.779.095)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	671.611.500.000	278.073.000.000	756.944.515.492	174.238.330.361	533.279.708.278	2.414.147.054.131
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh 25)	134.321.900.000	-	-	-	(134.321.900.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	366.428.203.109	366.428.203.109
Trích lập các quỹ	-	-	-	12.000.000.000	(12.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(62.000.000.000)	(62.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(134.322.300.000)	(134.322.300.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(12.949.772.984)	-	(12.949.772.984)
Hoàn nhập các quỹ (*)	-	-	-	(93.256.000.000)	93.256.000.000	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	805.933.400.000	278.073.000.000	756.944.515.492	80.032.557.377	650.319.711.387	2.571.303.184.256

(*) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 đã quyết định hoàn nhập các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu vào lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09- DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	19.465.920	194.659.200.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của Marina Viet Pte. Ltd.	20.317.183	203.171.830.000	16.930.986	169.309.860.000
Vốn cổ phần của Standard Chartered Singapore	6.592.685	65.926.850.000	5.493.904	54.939.040.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	34.217.552	342.175.520.000	28.514.660	285.146.600.000
	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm	13.432.190	134.321.900.000	-	-
Số dư cuối năm	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09- DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017 bao gồm cổ tức bằng tiền là 134.322 triệu VND, tương đương 2.000 VND cho một cổ phiếu và cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20%, tương đương 134.322 triệu VND (2017: cổ tức bằng tiền là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu).

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng 1 năm	8.029.042.652	8.118.970.394
Trong vòng 2 đến 5 năm	29.884.730.706	10.377.450.495
Sau 5 năm	16.864.654.623	44.677.925.595
	54.778.427.981	63.174.346.484

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị tính	31/12/2018	1/1/2018
Gạo	tấn	10.006	-

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	1.532.841	35.886.706.243	697.206	15.826.579.378
▪ EUR	145	3.820.048	145	3.922.093
		35.890.526.291		15.830.501.471

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	17.247.877.065

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09– DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu từ việc bán hàng:		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	5.068.645.974.567	5.408.061.015.559
▪ Lương thực – Gạo	2.093.261.342.169	2.122.733.546.004
▪ Hạt giống cây trồng	871.137.299.135	810.455.338.684
▪ Bao bì	174.431.862.856	167.113.148.828
▪ Doanh thu khác	273.072.561	
	<hr/>	
	8.207.749.551.288	8.508.363.049.075
	<hr/>	
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(334.251.436.172)	(274.681.186.706)
▪ Giảm giá hàng bán	(18.877.320)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(22.555.332.553)	(12.961.034.073)
	<hr/>	
	(356.825.646.045)	(287.642.220.779)
	<hr/>	
Doanh thu thuần	7.850.923.905.243	8.220.720.828.296
	<hr/>	

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2018	2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.319.049.008.071	3.626.814.968.001
▪ Lương thực – Gạo	1.989.349.780.538	2.045.339.291.498
▪ Hạt giống cây trồng	646.466.711.085	612.699.592.209
▪ Bao bì	149.484.898.948	137.664.198.822
▪ Khác	267.183.350	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.626.812.633	(952.477.379)
	<hr/>	
	6.106.244.394.625	6.421.565.573.151
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09- DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	2.994.426.325	3.728.277.655
Cổ tức	1.987.451.632	2.735.562.480
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	14.667.016.451	9.970.964.532
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.517.813.387	797.035.559
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.013.484.856	155.508.172
	<hr/>	<hr/>
	22.180.192.651	17.387.348.398

30. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	174.560.375.843	118.754.766.763
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(6.078.396.220)	(7.552.682.250)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	16.440.682.281	10.864.577.956
Chiết khấu thanh toán	1.714.234.428	279.578.618
Chi phí tài chính khác	635.431.296	5.994.646.035
	<hr/>	<hr/>
	187.272.327.628	128.340.887.122

31. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí cho nhân viên	312.878.702.624	265.525.081.313
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	216.170.968.054	374.798.933.894
Chi phí giao tế, hội nghị khách hàng	68.269.284.000	77.579.753.270
Chi phí vận chuyển	68.005.462.306	48.843.283.905
Công tác phí	41.867.751.624	41.151.844.500
Chi phí xuất khẩu	33.259.920.946	22.634.787.457
Khấu hao và phân bổ	12.456.982.276	12.853.344.179
Chi phí vật liệu bao bì	9.963.847.592	11.793.021.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.843.229.029	28.815.294.516
Chi phí bán hàng khác	11.011.156.188	8.316.132.732
	<hr/>	<hr/>
	803.727.304.639	892.311.477.613

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09- DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí cho nhân viên	144.532.204.145	132.535.062.845
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	36.522.902.370	33.163.396.626
Chi phí giao tế	24.176.735.843	19.473.737.946
Khấu hao và phân bổ	17.697.932.765	16.255.793.108
Công tác phí	9.791.505.433	11.010.046.167
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.095.000.000	6.873.635.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.129.466.418	3.585.320.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.326.133.013	19.786.361.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.085.291.289	18.561.049.568
	<hr/>	<hr/>
	287.357.171.276	261.244.402.621

33. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Tiền hỗ trợ từ các đối tác	14.579.872.950	13.210.822.482
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.049.680.684	364.710.444
Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây lắp	116.270.671	2.486.153.623
Thu nhập khác	5.685.633.711	2.619.455.093
	<hr/>	<hr/>
	23.431.458.016	18.681.141.642

34. Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Tiền phạt thuế	12.087.399.326	-
Chi phí khác	699.584.044	1.059.277.979
	<hr/>	<hr/>
	12.786.983.370	1.059.277.979

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán	5.223.039.714.280	5.404.301.718.142
Chi phí nhân công	589.313.561.329	526.138.557.083
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.247.351.116	61.526.478.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.228.634.694	538.507.966.867
Chi phí khác	139.963.659.462	291.886.527.114

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	98.177.766.059	109.781.645.969
Dự phòng thiếu trong những năm trước	35.520.633.728	-
	133.698.399.787	109.781.645.969
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(979.228.524)	1.732.980.692
	132.719.171.263	111.514.626.661

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09– DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	499.147.374.372	552.267.699.850
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	99.829.474.874	110.453.539.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.649.207.317	1.608.199.188
Thu nhập không chịu thuế	(397.490.326)	(547.112.496)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.631.372.489	-
Điều chỉnh khác (*)	(11.514.026.819)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước (*)	35.520.633.728	-
	132.719.171.263	111.514.626.661

(*) Trong năm 2018, Cơ quan Thuế đã thực hiện thanh tra thuế tại Công ty cho bốn năm từ năm 2014 đến năm 2017 và đã phát hiện khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm phát sinh từ các chi phí không được khấu trừ thuế bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ đã được ghi nhận trong chi phí. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm và điều chỉnh khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty con		
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia		
Bán hàng hóa	158.654.829.840	86.896.120.476
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình		
Bán hàng hóa	51.092.289.185	59.160.309.511
Mua hàng hóa	246.505.568.243	370.917.528.100
Mua tài sản cố định	-	1.203.782.861

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09- DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thọại Sơn		
Bán hàng hóa	58.904.450.415	61.198.589.595
Mua hàng hóa	1.235.504.995.119	1.132.045.352.953
Mua tài sản cố định	-	1.840.358.049
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng		
Bán hàng hóa	42.988.477.745	30.945.926.679
Mua hàng hóa	199.518.319.717	198.324.997.739
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng		
Bán hàng hóa	52.572.553.035	32.712.301.533
Mua hàng hóa	173.441.475.856	205.853.818.999
Mua tài sản cố định	131.941.291	1.627.494.806
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc		
Bán hàng hóa	26.506.265.944	25.799.005.155
Mua hàng hóa	151.811.992.024	204.756.009.297
Công ty Cổ phần Địa ốc An Giang		
Mua tài sản cố định	2.936.021.307	2.506.935.244
Cổ tức	998.714.970	1.210.563.000
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc		
Bán hàng hóa	227.485.000	5.776.635.593
Mua hàng hóa	9.250.000	509.710.090
Hàng bán bị trả lại	92.830.500	-
Góp vốn	-	3.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền		
Bán hàng hóa	13.777.983.100	1.191.200.000
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất Giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	4.610.847.535	3.329.393.204
Mua hàng hóa	10.443.081.800	1.231.307.000
Cổ tức	988.736.662	1.524.999.480
Công ty TNHH MTV Cà phê Hương Vị Trời		
Mua hàng hóa	4.120.570.947	-
Công ty Cổ phần Lộc Trời - Viên Thị		
Góp vốn	1.500.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Lion Agrevo		
Bán hàng hóa	31.035.786.778	-
Mua hàng hóa	5.628.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời Quảng Đông		
Góp vốn	3.425.835.000	-
Các bên liên quan khác		
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và thù lao	12.572.809.697	14.840.720.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và thù lao	3.377.123.667	4.697.471.967




38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018 VND	2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang nhận từ một công ty con chưa thanh toán	-	1.353.666.244


39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:

 Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1AA /CV-TĐLT
V/v: giải trình biến động lợi nhuận của Báo
cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2018

An Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời (LTG) xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế so với năm 2017 trên báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng			
	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)*100
Doanh thu thuần	7.850.923.905.243	8.220.720.828.296	(369.796.923.053)	(4,5)%
Lợi nhuận sau thuế	366.428.203.109	440.753.073.189	(74.324.870.080)	(16,8)%

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trên báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán giảm 16,8% do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 369.796.923.053 đồng tương ứng với mức giảm 4,5%
- Chi phí tài chính tăng 58.931.440.506 đồng tương ứng với mức tăng 47%
- Các nguyên nhân chủ yếu trên làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 giảm 74.324.870.080 đồng, tương ứng với mức giảm 16,8% so với năm 2017.

Trên đây là giải trình của LTG, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KVP.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Thôn